

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày: 29/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Triệu Trúc L, sinh năm 1995, tại huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu P Tấn và bà Quang Thị H; anh chị em ruột 03 người (kể cả bị cáo, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2002); con Triệu Sơn Gia B, sinh ngày 28/4/2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Anh Lưu Vĩnh H, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Phan Ngọc H, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm D, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2/ Chị Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1977 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 19/3/2018, khi đi ngang qua nhà Anh Lưu Vĩnh H thuộc khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo thấy phía trước nhà anh H có một cây mai vàng bông dãi (dạng bon sai) được trồng trong chậu, bị cáo mới nảy sinh ý định trộm cây mai của anh H để đem đi bán lấy tiền làm đám thôi nôi cho con. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 51Z7-6456 lên thành phố T vào quán game bắn cá ở gần khu công nghiệp L thuộc xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh tìm người bạn tên C (không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) để nhờ C giúp bị cáo trộm cây mai của anh H và được C đồng ý. Sau đó, C chở bị cáo về khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bằng chiếc xe mô tô biển số 51Z7-6456. Đến khoảng 00 giờ ngày 20/3/2018, C chở bị cáo đến trước nhà ông H, C dựng xe mô tô cặp lộ trước nhà anh H, sau đó bị cáo và C đi vào phía trước nhà anh H nhổ trộm cây mai và đem lên xe mô tô, C điều khiển xe, còn bị cáo ngồi phía sau xe ôm cây mai. Bị cáo hỏi C đem cây mai để ở đâu, C nói để cây mai ở một cái chòi bỏ hoang của bạn C gần khu công nghiệp L (không rõ địa chỉ cụ thể). Sau khi cất giấu cây mai ở địa điểm trên, bị cáo chở C về quán game bắn cá ở gần khu công nghiệp L còn bị cáo điều khiển xe mô tô về nhà. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe lên khu vực chợ thành phố T kêu một người đàn ông chạy xe ôm (không rõ tên, địa chỉ cụ thể) đến địa điểm cất giấu cây mai để chở cây mai đem đi bán. Bị cáo dẫn đường cho người xe ôm chở cây mai đến doanh nghiệp vật liệu xây dựng T ở khóm D, phường E, thành phố T và bị cáo bán cây mai cho ông Phan Ngọc H với giá 800.000 đồng.

Khoảng 06 giờ ngày 20/3/2018, Anh Lưu Vĩnh H mở cửa nhà thì phát hiện cây mai đã bị nhổ mất chỉ còn lại cái chậu. Sau đó, anh H nghi ngờ bị cáo là người đã trộm cây mai nên anh H đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được đối tượng tên C như bị cáo khai, do đó chưa có cơ sở để xử lý. Khi nào xác minh được sẽ đề nghị xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (một) cây mai vàng bông dãi, 12 cánh, cao 75 cm, hoành gốc 33 cm, bốn chi (dạng bonsai);

+ 01 (một) chiếc xe mô tô loại Dream, màu nho, biển số 51Z7 - 6456;

Tại bản kết luận số 27 ngày 20/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận: Giá trị 01 (một) cây mai vàng 12 cánh, bông dãi, cao 75 cm, hoành gốc 33 cm theo giá thị trường tại thời điểm ngày 20/3/2018 có giá là 3.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 01/12/2018, trả lại cho Anh

Lưu Vĩnh H 01 (một) cây mai vàng bông dãi, 12 cánh, cao 75 cm, hoành gốc 33 cm, bốn chi (dạng bonsai). Đối với 01 chiếc xe mô tô loại Dream, màu nho, nhãn hiệu DONA, số máy 10200449-FMG3, số khung 200038582-NJ100, bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản được thu hồi và trả lại cho bị hại, nên bị hại không yêu cầu bồi thường. Bị cáo đã trả lại số tiền 800.000 đồng từ việc bán 01 cây mai cho Anh H, nên Anh H không yêu cầu.

Tại cáo trạng số: 03/CT-VKSND-TC ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Triệu Trúc L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Triệu Trúc L.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Triệu Trúc L từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe mô tô loại Dream, màu nho, nhãn hiệu DONA, biển số 51Z7-6456, số máy 10200449-FMG3, số khung 200038582-NJ100 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, theo biên bản tạm giữ ngày 20/4/2018 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/01/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung: Về trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường; về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hoặc cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo còn quá trẻ và đang nuôi con nhỏ.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hội đồng xét xử đã thẩm tra về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hoàn toàn hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với những lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa như: Biên bản sự việc, biên bản tạm giữ tang vật, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 00 giờ, ngày 20/3/2018, tại nhà bị hại Anh Lưu Vĩnh H thuộc khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm của bị hại 01 (một) cây mai vàng 12 cánh, bông dĩa, cao 75 cm, hoành góc 33 cm; theo kết luận số 27 ngày 20/9/2018 tài sản có giá là 3.500.000 đồng; mục đích bị cáo bán lấy tiền tổ chức đám thôi nôi (sinh nhật tròn 01 tuổi) cho con. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi đã thành niên, đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Như vậy hành vi lén lút của bị cáo trộm 01 cây mai bông vàng của bị hại, giá trị 3.500.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Cho nên Cáo trạng số 03/CT-VKSND-TC ngày 03/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tổ chức đám thôi nôi (sinh nhật tròn 01 tuổi) cho con, hưởng lợi ích bất hợp pháp. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ sức khỏe, đáng lẽ ra bị cáo phải tự tìm cho mình một việc làm thích hợp nhằm tạo ra thu nhập để

nuôi sống bản thân và nuôi dưỡng con nhỏ, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động cực nhọc, nên bị cáo lao vào con đường phạm tội, bất chấp pháp luật. Hiện nay địa bàn huyện Tiểu Cần tình hình trộm cắp tài sản có chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần thiết phải tuyên cho bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt đồng thời bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: Bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng vẫn đảm bảo được tính giáo dục răn đe đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa đổi sai lầm để trở thành một công dân tốt sống có ích gia đình và xã hội đồng thời cũng cho bị cáo có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ chưa tròn 02 tuổi, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai cùng một đối tượng khác tên C cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Anh Lưu Vĩnh H. Tuy nhiên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được đối tượng tên C như bị cáo khai, do đó chưa có cơ sở để xử lý. Khi nào xác minh được đề nghị xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe mô tô loại Dream, màu nho, nhãn hiệu DONA, biển số 51Z7-6456, số máy 10200449-FMG3, số khung 200038582-NJ100 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, theo biên bản tạm giữ ngày 20/4/2018 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/01/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Trúc L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Triệu Trúc L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/01/2019).

Giao người bị kết án cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe mô tô loại Dream, màu nho, nhãn hiệu DONA, biển số 51Z7-6456, số máy 10200449-FMG3, số khung 200038582-NJ100 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, theo biên bản tạm giữ ngày 20/4/2018 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/01/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Triệu Trúc L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan THAHS Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân thị trấn C;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân